

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số
sinh sống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều
của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh
doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số
32/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tiền sử
dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một
số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 7603/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ đất đai đối với
đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; Báo cáo thẩm
tra số 272/BC-BDT ngày 01 tháng 12 năm 2025 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân
dân tỉnh; Báo cáo tiếp thu, giải trình số 255/BC-UBND ngày 03 tháng 12 năm
2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân
tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ
đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ về đất đai đối với cộng đồng
dân cư người dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo,
hộ cận nghèo sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa
bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cộng đồng dân cư người dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng.
- Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại
vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quyết định của cơ quan có thẩm
quyền thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Chưa có đất ở;
- b) Không còn hoặc thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Chưa có đất nông nghiệp;
- d) Không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định;
- đ) Có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh.

3. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

- 1. Việc xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 2. Việc bố trí quỹ đất để thực hiện chính sách này căn cứ vào điều kiện quỹ đất của địa phương và đảm bảo phù hợp với quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
- 3. Cá nhân được hỗ trợ theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết này phải sinh sống và thường trú trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, được cơ quan đăng ký cư trú xác nhận tại thời điểm điều tra xác định cá nhân được hưởng chính sách.
- 4. Ưu tiên xét hỗ trợ lần đầu cho cá nhân chưa có đất.
- 5. Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng; cá nhân được hỗ trợ đất đai phải sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Chính sách bảo đảm đất sinh hoạt cộng đồng cho đồng bào dân tộc thiểu số

Cộng đồng dân cư người dân tộc thiểu số chưa có đất sinh hoạt cộng đồng được giao đất sinh hoạt cộng đồng phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng và không thu tiền sử dụng đất như sau:

- 1. Đối với những vùng đã có quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì diện tích giao đất sinh hoạt cộng đồng theo quy hoạch đã được phê duyệt.
- 2. Đối với những vùng chưa có quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn thì diện tích giao đất sinh hoạt cộng đồng theo quy định của Luật Đất đai hiện hành.

Điều 5. Chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- 1. Chính sách hỗ trợ đất đai lần đầu đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền



núi, phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng, bản sắc văn hóa và điều kiện thực tế của từng vùng để bảo đảm ổn định cuộc sống, như sau:

a) Cá nhân đảm bảo các điều kiện được giao đất ở trong hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

b) Cá nhân có nhu cầu được chuyển mục đích sử dụng đất khác sang đất ở trong hạn mức giao đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

c) Cá nhân được giao đất nông nghiệp trong hạn mức theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và không thu tiền sử dụng đất.

d) Cá nhân đảm bảo các điều kiện, có nhu cầu thuê đất phi nông nghiệp không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước cho thuê đất và được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.

đ) Diện tích giao đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất quy định tại điểm a, b khoản này được tính cho tổng diện tích đất được Nhà nước giao, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Cá nhân đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất theo quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều này và theo các chính sách đất đai qua các thời kỳ nhưng nay không còn đất hoặc thiếu đất so với hạn mức theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thì hỗ trợ như sau:

a) Trường hợp không còn đất ở thì được giao tiếp đất ở hoặc được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở; người sử dụng đất được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trường hợp thiếu đất ở so với hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được chuyển mục đích sử dụng đất từ loại đất khác sang đất ở và được miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với diện tích trong hạn mức giao đất ở theo quy định.

b) Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được giao tiếp đất nông nghiệp trong hạn mức và không thu tiền sử dụng đất.

Trường hợp không còn đất nông nghiệp hoặc diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng không đủ 50% diện tích đất so với hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh nhưng không bố trí được quỹ đất để giao tiếp đất nông nghiệp thì được cho thuê đất phi nông nghiệp không phải đất ở theo hạn mức cho thuê đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định của pháp luật.



Điều 6. Quỹ đất và nguồn kinh phí thực hiện

1. Quỹ đất để thực hiện Nghị quyết này là quỹ đất do cơ quan, tổ chức của Nhà nước quản lý hoặc từ quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024. Trong đó, ưu tiên bố trí từ quỹ đất thu hồi của các công ty nông, lâm nghiệp bàn giao địa phương quản lý.

2. Nguồn kinh phí để thực hiện chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2026.

2. Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 13 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận quy định chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

b) Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông quy định chính sách về đất đai đối với cộng đồng người dân tộc thiểu số; cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Khóa X, Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận: *DO*

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Các bộ: NN&MT, Tài chính, Dân tộc và Tôn giáo;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Lâm Đồng;
- UBND tỉnh, UBND TQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Đài PTTH tỉnh Lâm Đồng;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Hạ tầng và Công nghệ số tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trang TTĐT VP ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lưu Văn Trung